

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **696** /CTTQU-TTHT

Tuyên Quang, ngày **03** tháng 6 năm 2023

V/v khấu trừ, hoàn thuế GTGT

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và  
Thương Mại An Phát Vinh  
Mã số thuế: 0104905412  
Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà LICOGI 13, ngõ  
164, đường Khuất Duy Tiến, phường Nhân  
Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Ngày 24/5/2023, Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang nhận được Công văn số 32/2023/CV-APV ngày 22/5/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Phát Vinh (sau đây gọi tắt là Công ty) về việc đề nghị xem xét, hướng dẫn thủ tục hoàn thuế GTGT của dự án đang thực hiện. Ngày 01/6/2023 Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang nhận được Phiếu chuyển số 563/PC-TCT của Tổng cục Thuế chuyển Công văn số 34/2023/CV-APV ngày 22/5/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Phát Vinh (có nội dung tương tự Công văn số 32/2023/CV-APV nêu trên). Vấn đề này Cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại khoản 11 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, quy định đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT):

*“11. Dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ. Các dịch vụ nêu tại khoản này không phân biệt nguồn kinh phí chi trả. Cụ thể: ...*

*c) Dịch vụ tang lễ của các cơ sở có chức năng kinh doanh dịch vụ tang lễ bao gồm các hoạt động cho thuê nhà tang lễ, xe ô tô phục vụ tang lễ, mai táng, hỏa táng, cải táng, di chuyển mộ, chăm sóc mộ.”*

- Tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, quy định:

*“Điều 11. Thuế suất 10%*

*Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.”*

- Tại Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC, khoản 9 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC), quy định:

*“Điều 14. Nguyên tắc khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào*

*1. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế GTGT đầu vào không được bồi thường của hàng hóa chịu thuế GTGT bị tổn thất.” ...*



“2. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (kể cả tài sản cố định) sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được.” ...

“4. Khấu trừ thuế GTGT trong một số trường hợp cụ thể như sau: ...

c) Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh có dự án đầu tư, bao gồm cả cơ sở sản xuất, kinh doanh mới thành lập, vừa đầu tư vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT, vừa đầu tư vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì số thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được tạm khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra theo phương án sản xuất, kinh doanh của cơ sở kinh doanh. Số thuế tạm khấu trừ được điều chỉnh theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong ba năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu.”

“9. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định, trừ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.”

- Tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ, quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế đối với dự án đầu tư như sau:

a) Cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ (bao gồm cả cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư) có dự án đầu tư mới (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư) theo quy định của Luật Đầu tư tại địa bàn cùng tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này và dự án đầu tư xây dựng nhà để bán, dự án đầu tư không hình thành tài sản cố định) đang trong giai đoạn đầu tư hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế giá trị gia tăng.

Cơ sở kinh doanh thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng riêng đối với dự án đầu tư và phải bù trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư với số thuế



giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện (nếu có). Sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào lũy kế của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế giá trị gia tăng.”

- Tại Điều 7, Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, quy định:

“Điều 7. Hồ sơ khai thuế

2. Hồ sơ khai thuế tương ứng với từng loại thuế, người nộp thuế, phù hợp với phương pháp tính thuế, kỳ tính thuế (tháng, quý, năm, từng lần phát sinh hoặc quyết toán). Trường hợp cùng một loại thuế mà người nộp thuế có nhiều hoạt động kinh doanh thì thực hiện khai chung trên một hồ sơ khai thuế, trừ các trường hợp sau: ...

d) Người nộp thuế đang hoạt động có dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng thì phải lập hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng riêng cho từng dự án đầu tư; đồng thời phải bù trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho từng dự án đầu tư với số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) của hoạt động, kinh doanh đang thực hiện cùng kỳ tính thuế.”

“Điều 11. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế

Người nộp thuế thực hiện các quy định về địa điểm nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 45 Luật Quản lý thuế và các quy định sau đây:

1. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với người nộp thuế có nhiều hoạt động, kinh doanh trên nhiều địa bàn cấp tỉnh theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều 45 Luật Quản lý thuế là cơ quan thuế nơi có hoạt động kinh doanh khác tỉnh, thành phố nơi có trụ sở chính đối với các trường hợp sau đây:

a) Khai thuế giá trị gia tăng của dự án đầu tư đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị định này tại nơi có dự án đầu tư.”

- Hồ sơ khai thuế áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế là Tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 02/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

- Tại Điều 28 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính, quy định:

“Điều 28. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng

Hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng ... gồm:

1. Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 01/HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư này.

2. Các tài liệu có liên quan theo trường hợp hoàn thuế, cụ thể như sau:

a) Trường hợp hoàn thuế dự án đầu tư:



a.1) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư đối với trường hợp phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

a.2) Đối với dự án có công trình xây dựng: Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc hợp đồng cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền; giấy phép xây dựng;

a.3) Bản sao Chứng từ góp vốn điều lệ;

... ”

- Tại Điều 2 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ quy định về xây dựng, quản lý sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng:

“Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: ...

5. Mai táng là thực hiện việc lưu giữ thi hài hoặc hài cốt, tro cốt của người chết ở một địa điểm dưới mặt đất.

6. Chôn cất một lần là hình thức mai táng thi hài vĩnh viễn.

.....

9. Cát táng là hình thức mai táng hài cốt sau khi cải táng hoặc lưu tro cốt sau khi hỏa táng.”


**Căn cứ các quy định nêu trên, Cục Thuế trả lời theo nguyên tắc như sau:**

Trường hợp Công ty có dự án đầu tư mới với mục tiêu là kinh doanh dịch vụ công cộng đáp ứng nhu cầu mai táng và chôn cất hài cốt thì: Đối với dịch vụ duy trì vườn hoa, công viên, dịch vụ tang lễ theo quy định tại khoản 11 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Đối với dịch vụ xây dựng mộ áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.


Đối với hoạt động thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, số thuế GTGT đầu vào sử dụng cho dự án đầu tư không được khấu trừ, không được hoàn thuế. Công ty được hạch toán số thuế GTGT này vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nếu đáp ứng quy định của pháp luật về thuế TNDN.

Đối với hoạt động thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, số thuế GTGT đầu vào sử dụng cho dự án đầu tư được tạm khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra theo phương án sản xuất, kinh doanh của đơn vị theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Để được hoàn thuế, Công ty phải thực hiện kê khai thuế GTGT riêng đối với dự án đầu tư và đáp ứng các quy định tại Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP. Việc kê khai, hoàn thuế được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP, Điều 28 Thông tư số 80/2021/TT-BTC.

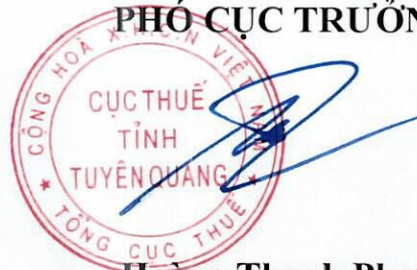
Đề nghị Công ty nghiên cứu các quy định và hướng dẫn nêu trên, đối chiếu với tình hình thực tế tại đơn vị để thực hiện.

Cục Thuế tỉnh Tuyên Quang trả lời để Công ty biết, thực hiện đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này./. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Các phòng: NVDTPC, TTKT, KK;
- Trang thông tin điện tử Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT. (H 10b). 

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Hoàng Thanh Phong**